

Bản án số: **14/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: **24/4/2018.**

“V/v ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thời** và bà **Vũ Thị Khuôn**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Đặng Ngọc Anh** - Thư ký
Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Ông
Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu: Thôn Đồng N, xã NĐ, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Cư trú : Xóm 2, Thôn Tường V, xã Cộng H, huyện KT, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy Th**, sinh năm 1991.

Đăng ký hộ khẩu và trú tại: Thôn Đồng N, xã NĐ, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị T có mặt; anh Th xin vắng mặt tại phiên tòa ;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy Th có được tự do tìm hiểu nhau thời gian ngắn khoảng 6 tháng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NĐ, thành phố H vào ngày 16/07/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng hạnh phúc được khoảng 17 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th thường xuyên đi sớm về khuya, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không có trách nhiệm gì đến mẹ con chị, hàng tháng anh Th nói với chị có đi làm nhưng không đưa cho chị đồng tiền nào để nuôi con chung và chi tiêu gia đình, chị đã góp ý, khuyên giải, động viên anh Th phải có trách nhiệm với gia đình nhưng không có hiệu

quả. Từ đó, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng bố mẹ hai bên đều biết, can thiệp nhiều lần nhưng vợ chồng không thể chia sẻ cảm thông và hòa hợp được với nhau nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 2, Thôn Tường V, xã Cộng H, huyện KT, tỉnh Hải Dương ở từ tháng 10/2017 và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân, anh chị không quan tâm, thăm hỏi gì tới nhau, anh Th không có ý định đoàn tụ vợ chồng với chị và ngược lại chị cũng không thể quay về chung sống với anh Th được. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Chị đề nghị Tòa án xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại khu dân cư nơi anh chị sinh sống để làm căn cứ giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

Tại bản tự khai và biên bản lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Duy Th trình bày: Anh với chị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NĐ, thành phố H như chị T trình bày là hoàn toàn đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh, do vợ chồng tính tình không hợp nhau về phong cách sống cũng như nhiều yếu tố khác tác động đến tư tưởng của nhau nên trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra việc cãi nhau, anh phải chịu đựng nhường nhịn chị T rất nhiều để cuộc sống vợ chồng nói riêng và tình cảm của cả gia đình được êm ấm. Nhưng chị T càng ngày càng làm tới và tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10/2017 và không quay về chung sống với anh nữa, anh cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên anh không có ý định đón chị T về đoàn tụ vợ chồng. Tại bản tự khai anh thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn với chị T là do anh không muốn con có bố mà không có mẹ hoặc có mẹ mà không có bố, nếu vợ chồng đoàn tụ thì chị phải thay đổi cách sống. Tuy nhiên, anh lại cho rằng nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh, anh hoàn toàn đồng ý. Ngoài ra anh xác nhận đã được nhận toàn bộ giấy tờ, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị T và các văn bản tố tụng của Tòa án, anh không có ý kiến gì, không phản đối hay phản tố gì với yêu cầu khởi kiện của chị T; anh đề nghị Tòa án không tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng ở khu dân cư; không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử cho anh được vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Chị T và anh Th đều xác định có 01 con chung là Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 29/6/2016.

- Quan điểm của chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng với chị. Hiện nay chị ở cùng bố mẹ đẻ có chỗ ở rộng rãi, chị là công nhân của Công ty TNHH A tại Khu Công nghiệp Nam S, xã AQ, thành phố H; mức thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) đến 8.000.000đ (*tám triệu đồng*)/tháng. Chị khẳng định đủ điều kiện về

vật chất đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung tốt. Ngoài ra có bố mẹ đẻ của chị hỗ trợ hỗ chăm sóc, đưa đón con đi học hàng ngày giúp chị.

- Quan điểm của anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con, nhưng nếu chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh hoàn toàn đồng ý.

Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị T và anh Th đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T và anh Th đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác minh tại UBND xã NĐ và khu dân cư nơi chị T và anh Th sinh sống; Đại diện cán bộ tư pháp và khu dân cư thể hiện: Anh Th và chị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã NĐ, sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh Th thời gian khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở khoảng nửa năm nay, từ đó chị T không quay về chung sống với anh Th. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh Th hai bên gia đình đã nhiều lần động viên vợ chồng hàn gắn nhưng không có hiệu quả. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật, nếu anh Th chị T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng thì Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để giải thoát cho cả hai được ổn định cuộc sống và không gây mất trật tự tại khu dân cư và cả hai bên gia đình.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th; được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con, ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. 1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy Th; 2. *Về con chung:* Giao con là Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 29/6/2016 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 4/2018 đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình:

Không phải giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án anh Th chấp hành pháp luật có mặt tại Trụ sở Tòa án theo giấy triệu tập. Tuy nhiên, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử; Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự cho anh Th yêu cầu có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Anh Th đã nhận trực tiếp nhưng anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án cho phép anh được vắng mặt tại phiên tòa. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để bị đơn là anh Th thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Duy Th kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NĐ, thành phố H vào ngày 16/07/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đều xác định là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc mọi lĩnh vực, mặt khác là do điều kiện kinh tế khó khăn, không biết đối nhân xử thế tốt với nhau. Từ đó, dẫn đến chị về ở với bố mẹ đẻ ở xóm 2, Thôn Tường V, xã Cộng H, huyện KT, tỉnh Hải Dương từ tháng 10/2017 cho đến nay, còn anh Th ở cùng bố mẹ ở thôn Đồng N, xã NĐ, thành phố H, tỉnh Hải Dương, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh Thanh là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: Chị T, anh Th xác định có 01 con chung là Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 29/6/2016. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị T và anh Th đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay con còn nhỏ (21 tháng 25 ngày), lại là con gái cần có sự chăm sóc dạy dỗ, gần gũi của người mẹ. Mặt khác, chị có việc làm ổn định và có mức thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) đến 8.000.000đ (*tám triệu đồng*)/tháng, chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ có chỗ ở rộng rãi. Ngoài ra bố mẹ chị hỗ trợ hỗ trợ chăm sóc, đưa đón con đi học hàng ngày giúp chị. Anh Th thể hiện quan điểm nếu chị T có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con, anh hoàn toàn đồng ý. Nên, xét việc giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX thấy rằng hiện nay chị T có công việc làm ổn định, có thu nhập, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con nên sự tự nguyện của chị T phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Chị T và anh Th đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy Th.

2. *Về con chung*: Xử giao con là Nguyễn Đỗ Trà M, sinh 29/6/2016 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 4/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Duy Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0003320 ngày 20 tháng 3 năm 2018 do chị T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Báo cho nguyên đơn là chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Nguyễn Duy Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố H;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã NĐ, TPHD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên